Báo cáo vĩ mô

Báo cáo cập nhật T10 2026: Giá dầu giảm mạnh sau thắng lợi của đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ

Thế giới – Kết quả bầu cử giữa nhiệm kỳ của Mỹ mở ra triển vọng tích cực về lạm phát toàn cầu hạ nhiệt

Đảng Dân chủ giành chiến thắng cả Thượng viện và Hạ viện trong cuộc bầu cử giữa kỳ ngày 03/11/2026 với số phiếu áp đảo. Chiến thắng này mở ra triển vọng về quá trình đàm phán hòa bình giữa Mỹ-Iran được đẩy nhanh. Giá dầu Brent ngay sau đó giảm mạnh về mức 92-96 USD/thùng từ mốc 120 USD/thùng trong tại thời điểm cuối tháng 10.
Tuy nhiên, TVS Research cho rằng rủi ro lạm phát toàn cầu vẫn còn hiện hữu vào cuối 2026 từ triển vọng đàm phán giữa Mỹ-Iran có thể tiếp tục đổ vỡ, cùng với việc Quốc hội mới chỉ nhậm chức từ T1 2027 và Tổng thống Trump vẫn có quyền phủ quyết các dự luật mà đảng Dân chủ đề ra.

Việt Nam – Kim ngạch thương mại T10 xuất siêu 7.3 tỷ USD trong khi chỉ số CPI neo mức 5.1% YoY do giá xăng dầu tăng mạnh trong T10

Xuất khẩu T10 tăng 51.4% YoY, đưa cán cân thương mại xuất siêu 7.3 tỷ USD – tháng thứ hai liên tiếp – nhờ khối FDI và nhóm điện tử (+159.7% YoY), nhập siêu 10T thu hẹp về 12.1 tỷ USD. CPI T10 tăng 5.1% YoY, nhóm giao thông trở thành nhóm đóng góp lớn nhất (1.6 đpt) khi giá xăng tăng (RON 95-III) và dầu (Do 0.5S-II) bình quân tăng lần lượt 30.7% YoY và 58.6% YoY trong tháng 10.

Thị trường tiền tệ – Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thực hiện nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (swap) và mua vào ngoại tệ (spot) trong đầu T11

Trong thời điểm đầu tháng 11, NHNN công bố thực hiện nghiệp vụ hoán đổi USD/VND ngày 06/11 với kỳ hạn 182 ngày, dài hơn đáng kể so với 7-21 ngày tại các phiên trước trong năm, quy mô tối đa 2 tỷ USD. Bên cạnh đó, NHNN cũng đưa ra thông báo về việc thực hiện nghiệp vụ mua ngoại tệ giao ngay (spot) hai phiên mỗi tuần kể từ ngày 11/11 với mức giá cố định 25,500 VND/USD. Chúng tôi cho rằng thông báo trên của NHNN đang phát ra tín hiệu về việc tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục được điều hành ổn định trong thời gian tới và định hướng hỗ trợ thanh khoản đối với hệ thống.

Chỉ số vĩ mô quốc tế	T9/26	% MoM	%YoY
Lạm phát (CPI):			
Mỹ	3.7%	+0.6%	+3.7%
Khu vực EU	3.8%	-	+3.8%
Trung Quốc	0.9%	+0.2%	+0.9%
PMI sản xuất (điểm)	**T10/26**	**+/- MoM**	**+/- YTD**
Mỹ (S&P Global)	54.9	-2.1	+0.4
Khu vực EU	52.7	-0.2	+3.9
Trung Quốc	49.3	-0.8	-0.8

Chỉ số vĩ mô VN	T10/26	% MoM	%YoY
CPI	5.1%	0.2%	5.1%
PMI sản xuất (điểm)	52.3	+0.4	-2.2
IIP (%)	15%	2.3%	15%
Xuất khẩu (tỷ USD)	64.7	8.7%	51.4%
Nhập khẩu (tỷ USD)	57.4	-1.4%	43.1%
Bán lẻ (nghìn tỷ VND)	695.5	1%	14.7%
ĐTC (nghìn tỷ VND-YTD)	735	11.8%	49.7%
FDI giải ngân (tỷ USD)	3	-21.2%	20.4%

Thị trường tiền tệ	T10/26	%MoM	%YTD
USD/VND (NHNN bán ra)	26,868	0%	2.1%

Chú thích:
Tệ hơn so với kỳ trước
Tốt hơn so với kỳ trước

Phòng Phân tích Nghiên cứu
Email: research@tvs.vn

Kinh tế vĩ mô thế giới

Đảng Dân chủ giành chiến thắng áp đảo trong cuộc bầu cử giữa kỳ, mở ra triển vọng tích cực về lạm phát toàn cầu hạ nhiệt.

Kết quả bầu cử giữa kỳ ngày 03/11/2026 phản ánh sự bất mãn của cử tri về chi phí sinh hoạt và địa chính trị, và trao cho đảng Dân chủ nền tảng để thúc đẩy chương trình nghị sự riêng. Đảng Dân chủ giành lại cả hai viện, với hơn 250/435 ghế tại Hạ viện và ít nhất 54 ghế tại Thượng viện, đồng thời lật ngược nhiều bang chiến địa truyền thống của đảng Cộng hòa như Texas, Bắc Carolina và Iowa.

TVS Research kỳ vọng áp lực lạm phát toàn cầu sẽ hạ nhiệt nhanh chóng hơn nhờ các chính sách nhằm tháo gỡ rào cản thuế quan và chấm dứt xung đột địa chính trị tại Trung Đông của đảng Dân chủ. Hiện nay, thuế quan và giá dầu là hai nhân tố chính đẩy chi phí hàng hóa và năng lượng lên cao, việc giải tỏa hai điểm nghẽn này sẽ bù đắp phần chi phí gia tăng từ chính sách an sinh, qua đó giúp làm giảm áp lực mặt bằng giá chung. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng đảng Dân chủ sẽ trình lên hàng loạt dự luật tăng cường quản lý AI và trung tâm dữ liệu ngay khi nắm quyền vào T1 2027 với mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng trước nguy cơ giá điện tăng. Đầu tư vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) là một trong những động lực tăng trưởng chính của kinh tế Mỹ, sự chậm lại ở lĩnh vực này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam - nước có thặng dư thương mại lớn nhất với Mỹ trong 9T 2026 với các mặt hàng linh kiện điện tử chiếm tỷ trọng lớn.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng phần lớn các chính sách trên chưa thể nhanh chóng thực thi đầy đủ ngay trong năm 2027. Quốc hội mới chỉ nhậm chức vào T1 2027, hầu hết dự luật ở Thượng viện cần 60 phiếu, và Tổng thống Trump vẫn có quyền phủ quyết. Với thị trường, điều này có nghĩa là kỳ vọng gỡ bỏ thuế quan và hạ nhiệt xung đột Trung Đông sẽ chưa thể diễn ra ngay trong năm 2026.

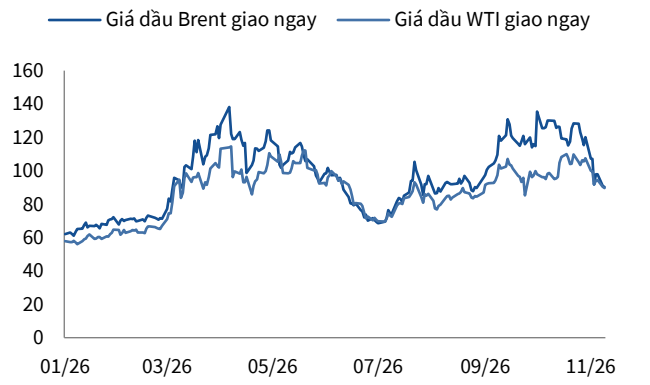
Áp lực lạm phát năng lượng toàn cầu gia tăng do căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông.

Xung đột tại Trung Đông leo thang mạnh trong T10 2026, đẩy rủi ro gián đoạn nguồn cung năng lượng lên mức báo động và tiếp tục gây áp lực lên lạm phát toàn cầu. Cụ thể, IRGC liên tiếp tấn công và gài mìn tàu chở dầu tại Vịnh Ba Tư và Eo biển Hormuz, trong khi lực lượng Houthi tăng cường tập kích tên lửa vào Saudi Arabia, đỉnh điểm là vụ đánh trúng nhà máy lọc dầu Ras Tanura ngày 27/10. Chuỗi sự kiện này đã đẩy giá dầu Brent vượt mốc 120 USD/thùng. Mặt bằng giá dầu cao nhanh chóng truyền vào giá tiêu dùng và sản xuất khi CPI và PPI T9 2026 của Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc đều tăng tốc so với tháng trước.

Giá dầu hạ nhiệt trong giai đoạn đầu tháng 11 sẽ hỗ trợ làm giảm áp lực lạm phát trên toàn cầu, tuy nhiên, dựa trên dữ liệu trong quá khứ cho thấy mức điều chỉnh lạm phát thường mất nhiều thời gian hơn sau khi giá nhiên liệu hạ nhiệt. Vì vậy, chúng tôi cho rằng Fed và các NHTW khác sẽ vẫn tiếp tục chính sách tiền tệ thắt chặt trong thời gian tới nhằm kiểm soát lạm phát. Rủi ro hiện nay đến từ những căng thẳng chính trị tái diễn tại khu vực Trung Đông trong khoảng thời gian trống quyền lực này có thể khiến giá dầu vượt trở lại ngưỡng 120 USD/thùng vào cuối 2026, qua đó kéo dài áp lực lạm phát.

Biểu đồ 1: Giá dầu giảm mạnh sau khi đảng Dân chủ giành chiến thắng tại Hạ viện và Thượng viện

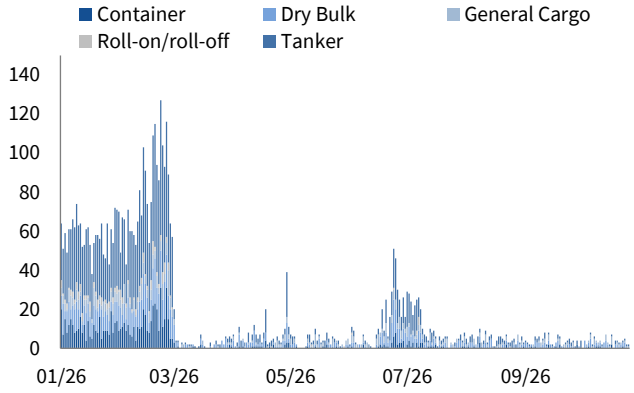
Giá dầu WTI và Brent giao ngay từ đầu năm 2026 - nay [USD/thùng]



Nguồn: EIA, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 2: Số lượng tàu lưu thông qua eo biển Hormuz không đáng kể

Số lượng tàu đi qua eo biển Hormuz từ đầu năm 2026 - nay [tàu/ngày]



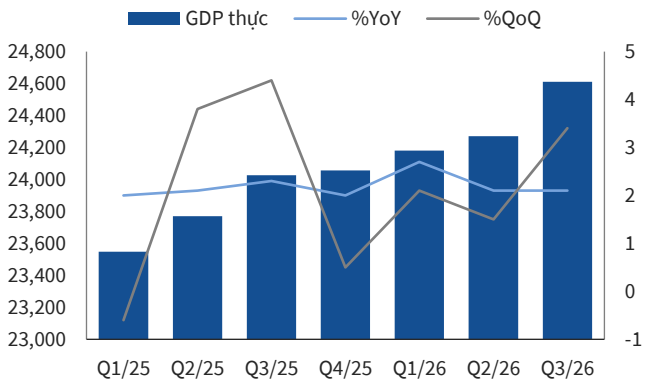
Nguồn: IMF Port Watch, TVS Research tổng hợp

Sự gia tăng lạm phát toàn cầu chưa tác động đáng kể tới chính sách điều hành tiền tệ và tăng trưởng của Mỹ

Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu đang có xu hướng gia tăng, hoạt động kinh tế Mỹ vẫn mở rộng với tốc độ vừa phải khi GDP thực Q3 2026 tăng trưởng 1.2% YoY (+3.4% QoQ), đưa quy mô nền kinh tế đạt 24,611 tỷ USD. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sức tiêu dùng cá nhân, sự gia tăng bội chi ngân sách và làn sóng đầu tư tư nhân mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ/AI. Ngược lại, thâm hụt thương mại đạt 299 tỷ USD trong Q3 2026 tiếp tục là lực cản chính làm giảm tốc đà tăng trưởng chung. Do đó, ngày 28/10/2026, Fed quyết định giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang trong biên độ 3.75%–4.00%, với tỷ lệ biểu quyết 10–2.

Biểu đồ 3: GDP thực Mỹ Q3 2026 tăng tốc so với quý trước

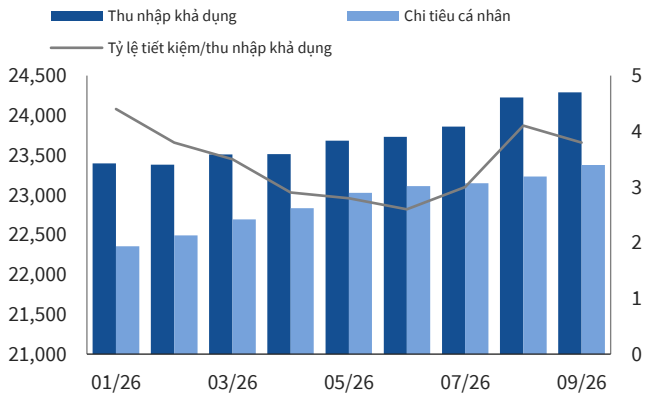
Giá trị GDP Mỹ [tỷ USD] và tăng trưởng GDP so với cùng kỳ và kỳ trước [%]



Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế Mỹ, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 4: Tiêu dùng Mỹ duy trì đà tăng trưởng

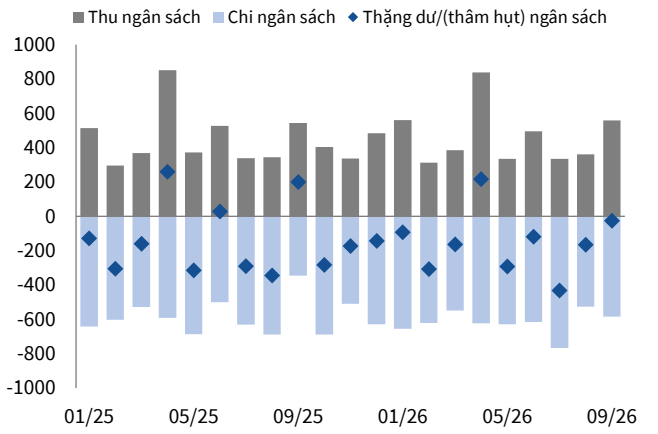
Giá trị thu nhập khả dụng và chi tiêu cá nhân [tỷ USD] đi kèm tỷ lệ tiết kiệm/thu nhập khả dụng từ đầu năm 2026 – nay [%]



Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế Mỹ, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 5: Ngân sách Mỹ thâm hụt 1,390 tỷ USD trong 9T 2026

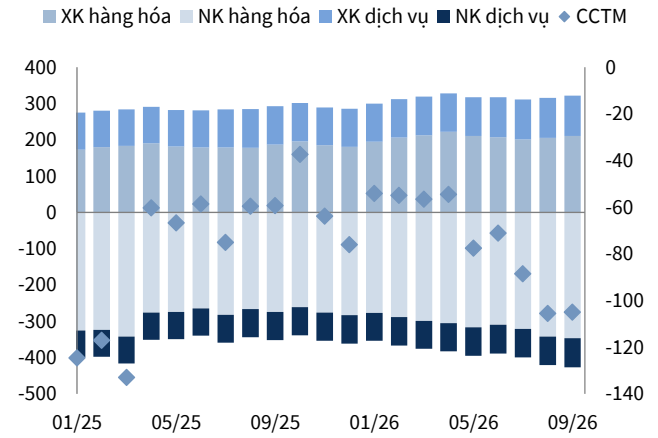
Thặng dư ngân sách Mỹ từ đầu năm 2025-nay [tỷ USD]



Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế Mỹ, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 6: Cán cân thương mại Mỹ thâm hụt 668 tỷ USD trong 9T 2026

Thặng dư cán cân thương mại Mỹ từ đầu năm 2025 – nay [tỷ USD]



Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế Mỹ, TVS Research tổng hợp

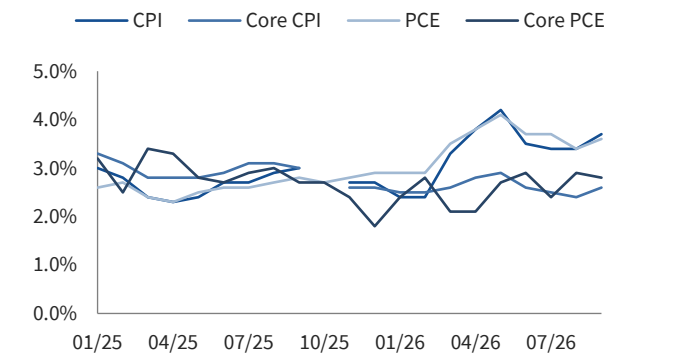
Chúng tôi duy trì quan điểm về việc Fed sẽ nâng lãi suất điều hành thêm 0.25 đpt trong cuộc họp cuối năm 2026.

Hiện tại, lạm phát đang trở nên dai dẳng hơn do rủi ro địa chính trị Trung Đông khi CPI lõi và PCE lõi trong Q3 2026 có xu hướng gia tăng và duy trì ở mức cao. Ngoài ra, kết quả bầu cử ngày 03/11/2026 không thay đổi bức tranh này. Đảng Dân chủ giành lại quyền kiểm soát cả hai viện, mở ra triển vọng khả thi hơn cho thỏa thuận ngừng bắn với Iran và việc tháo gỡ rào cản thuế quan, những yếu tố có thể đưa lạm phát về mục tiêu 2% nhanh hơn. Tuy nhiên, Quốc hội mới chỉ nhận quyền vào đầu T1 2027, nên Tổng thống Trump chưa chịu ràng buộc pháp lý mới nào cho đến lúc đó. Việc ông đe dọa tái khởi động các chiến dịch quân sự nhằm vào Iran sau bầu cử có thể giữ giá dầu trên 100 USD/thùng và làm lạm phát khó hạ nhiệt hơn.

Bên cạnh đó, thị trường lao động vẫn cho thấy số liệu ổn định, làm tăng khả năng về việc Fed tăng thêm 1 lần lãi suất nữa trong cuộc họp cuối năm. Cụ thể, việc làm phi nông nghiệp T9 2026 hạ nhiệt xuống 29,000, nhưng mức tăng 133,000 của T8 2026 giúp tuyển dụng Q3 2026 nhìn chung ổn định. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên 61.8% và tỷ lệ thất nghiệp đi ngang trong vùng 4.1% - 4.2%, đi kèm tăng trưởng tiền lương hạ nhiệt về quanh 3% YoY.

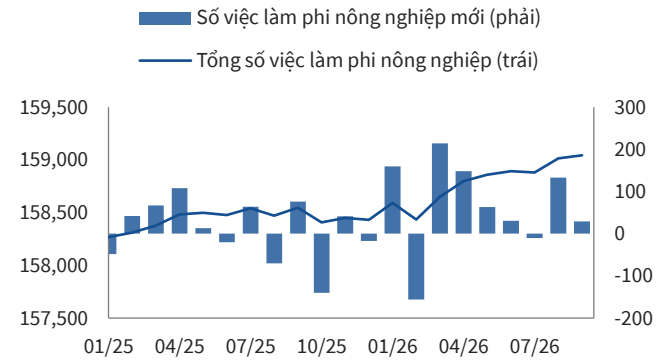
Dẫu vậy, quyết định tăng lãi suất có thể đẩy áp lực trả nợ của Mỹ lên cao khi nợ công Mỹ vượt mốc kỷ lục 40,000 tỷ USD. Nguồn cung trái phiếu chính phủ tăng, cộng với lạm phát dai dẳng, giữ lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ các kỳ hạn ở mức cao. Do đó, TVS Research cho rằng việc Fed tăng lãi suất sẽ tiếp tục làm gia tăng chi phí lãi vay và xói mòn dư địa tài khóa của chính phủ Mỹ trong thời gian tới.

Biểu đồ 7: CPI và PCE duy trì ở mức cao trong T9 2026
Chỉ số giá CPI và PCE so với cùng kỳ [%YoY]



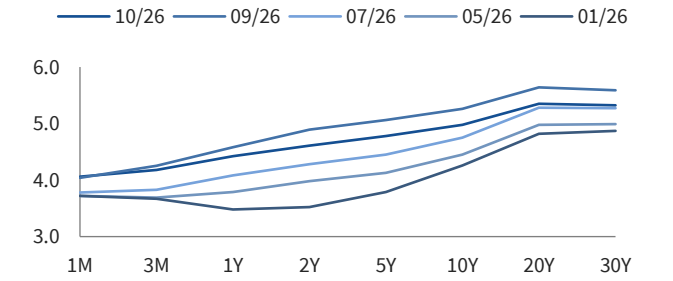
Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế Mỹ, TVS Research tổng hợp
Chú thích: Không có số liệu T10 2025 do chính phủ Mỹ đóng cửa

Biểu đồ 8: Thị trường lao động Q3 2026 ổn định
Tổng số việc làm phi nông nghiệp và việc làm phi nông nghiệp mới [nghìn người]



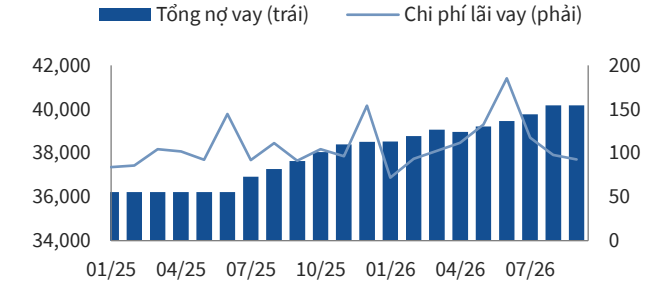
Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế Mỹ, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 9: Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ các kỳ hạn duy trì ở mức cao
Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ các kỳ hạn [%/năm]



Nguồn: Kho bạc Mỹ, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 10: Nợ công Mỹ giữ ở mức cao gây xói mòn dư địa tài khóa
Giá trị nợ công Mỹ và lãi vay phải trả [tỷ USD]



Nguồn: Kho bạc Mỹ, TVS Research tổng hợp

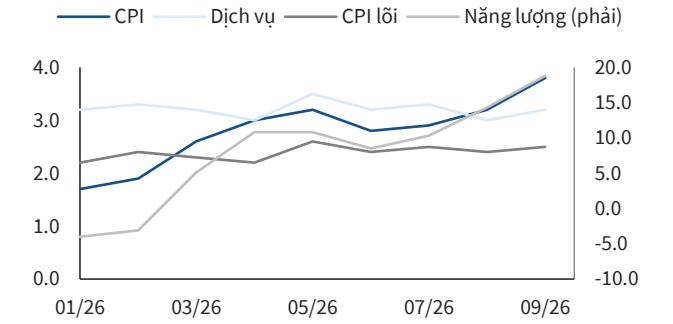
ECB nhiều khả năng tăng lãi suất điều hành vào T12 2026 khi lạm phát lan rộng.

Nhìn chung, lạm phát chưa gây tác động rõ rệt lên kinh tế Châu Âu khi GDP Q3 2026 cải thiện nhẹ, đạt 1.3% YoY (+0.3% QoQ). Thị trường lao động vẫn tương đối ổn định, với tỷ lệ thất nghiệp đi ngang ở mức 6.2% trong T9 2026, dù số người thất nghiệp tăng thêm 105,000 so với tháng trước. PMI sản xuất và PMI dịch vụ T9 2026 lần lượt đạt 52.7 và 53 điểm, đều ở vùng mở rộng, cho thấy hoạt động doanh nghiệp vẫn khả quan và chưa chậm lại trước áp lực chi phí gia tăng. Do đó, ECB quyết định giữ nguyên cả ba mức lãi suất điều hành trong cuộc họp ngày 29/10/2026.

Tuy nhiên, áp lực giá cả đang lan rộng từ sản xuất đến tiêu dùng với CPI và PPI T9 2026 tăng mạnh, lần lượt đạt 3.8% YoY và 10.9% YoY, phản ánh cú sốc năng lượng quy mô lớn và kéo dài. TVS Research cho rằng nhu cầu năng lượng tăng cao trong mùa đông sắp tới sẽ khuếch đại tác động này, khiến chi phí thẩm thấu sâu hơn vào nền kinh tế và gây hiệu ứng vòng hai lên các nhóm hàng hóa, dịch vụ khác. Do đó, chúng tôi nhận định tăng trưởng kinh tế Châu Âu sẽ chậm lại trong Q4 2026, và ECB sẽ nâng lãi suất điều hành trong cuộc họp T12 2026.

Biểu đồ 11: CPI khu vực Châu Âu gia tăng đáng kể trong T9 2026

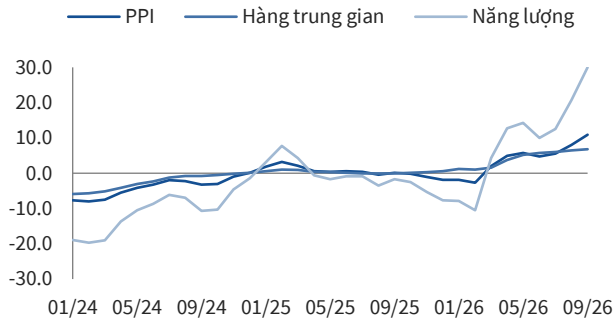
Chỉ số giá CPI, dịch vụ, CPI lõi và năng lượng từ đầu năm 2026 - nay [%YoY]



Nguồn: Eurostat, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 12: PPI Châu Âu ở mức cao do ảnh hưởng của chỉ số giá năng lượng và hàng trung gian

Chỉ số giá PPI so với cùng kỳ [%YoY]



Nguồn: Eurostat, TVS Research tổng hợp

Tăng trưởng Trung Quốc duy trì khả quan, lạm phát chỉ tập trung ở khâu sản xuất

Kinh tế Trung Quốc duy trì sức chống chịu tốt hơn so với các cường quốc khác trước đà tăng của lạm phát toàn cầu. GDP Q3 2026 tăng 4.5% YoY, cải thiện nhẹ so với mức 4.3% YoY của Q2. Động lực tăng trưởng chính vẫn đến từ xuất khẩu ròng và chi tiêu ngân sách nhà nước, bù đắp cho tiêu dùng nội địa và thị trường bất động sản đang trì trệ kéo dài.

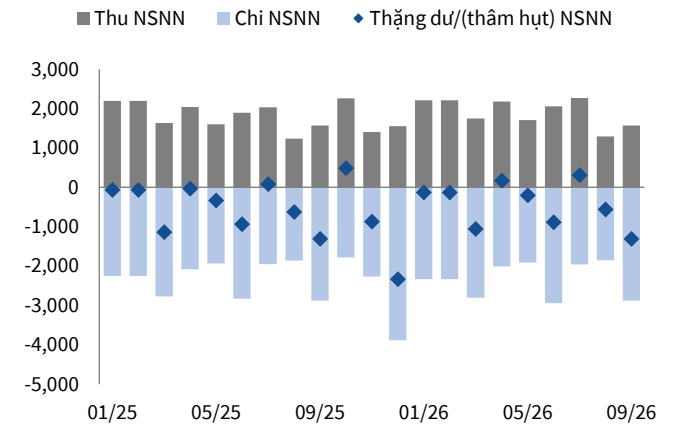
Áp lực lạm phát hiện tập trung ở khu vực sản xuất. PPI T9 2026 tăng tốc lên 5.0% YoY, chủ yếu do chi phí đầu vào của các ngành công nghiệp và công nghệ cao (kim loại đen, hóa chất thô, năng lượng) tăng mạnh. Điều này tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất của các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực như máy móc cơ khí, thiết bị điện và sản phẩm công nghệ cao, vốn chiếm 63% tổng kim ngạch xuất khẩu 9T 2026 theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Tuy nhiên, chi phí tăng chưa làm suy yếu khu vực này khi lợi nhuận của các doanh nghiệp công nghiệp 9T 2026 đạt 6,033 tỷ CNY (+15.5% YoY). Ngược lại với khâu sản xuất, sức cầu nội địa vẫn yếu, thể hiện qua CPI T9/ 2026 tiếp tục đi quanh mức thấp 1.0% YoY.

Trái ngược với xu hướng thắt chặt tiền tệ tiềm ẩn của Fed và ECB, Trung Quốc sẽ tiếp tục duy trì các động thái nới lỏng chính sách nhằm hiện thực hóa các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm. Vào cuối T9 2026, PBOC đã kích hoạt hàng loạt công cụ mạnh mẽ — từ cắt giảm lãi suất tái cấp vốn (PSL), mở rộng tín dụng cho hạ tầng và công nghệ cao, đến hỗ trợ nhà ở xã hội và doanh nghiệp nhỏ — nhằm phục vụ các ưu tiên chiến lược dài hạn và kích cầu nội địa.

Tuy nhiên, TVS Research lưu ý rằng việc lạm phát khu vực sản xuất tại Trung Quốc tiếp tục gia tăng sẽ phần nào truyền dẫn vào giá hàng xuất khẩu công nghệ cao. Trong bối cảnh cuộc đua công nghệ Mỹ - Trung vẫn gay gắt, sức ép từ giá hàng xuất khẩu này sẽ góp phần khiến lạm phát toàn cầu thêm dai dẳng.

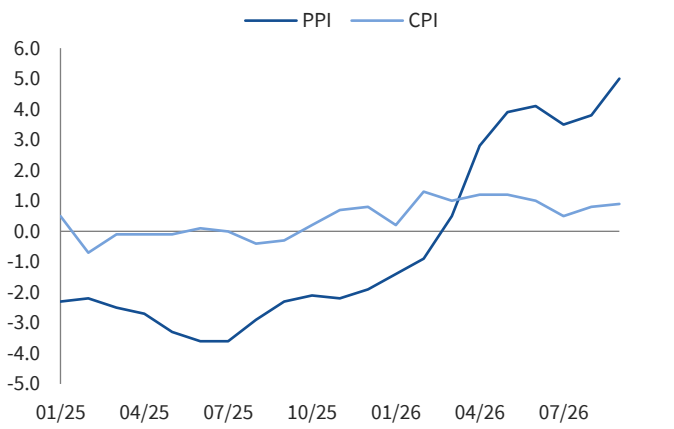
Biểu đồ 13: Trung Quốc thậm hụt ngân sách 3,791 tỷ CNY 9T 2026 góp phần đáng kể tăng trưởng GDP Q3 2026

Tình hình biến động ngân sách nhà nước Trung Quốc [tỷ CNY]



Nguồn: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 14: Lạm phát tổng cung Trung Quốc tăng đáng kể trong khi lạm phát tổng cầu còn yếu



Nguồn: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, TVS Research tổng hợp

Việc các NHTW lớn giữ nguyên lãi suất điều hành cùng với giá dầu Brent hạ nhiệt đang đem lại tác động tích cực trong ngắn hạn đối với nền kinh tế toàn cầu.

TVS Research đánh giá tích cực đối với các sự kiện diễn ra trên thế giới thời gian vừa qua khi (1) các NHTW lớn đồng loạt giữ nguyên lãi suất điều hành trong T10 2026 và (2) giá dầu Brent hạ nhiệt về mức dưới 100 USD/thùng nhờ hoạt động ngoại giao giữa Mỹ-Iran về thỏa thuận hòa bình được nối lại, cùng với kỳ vọng về chiến tranh ở Trung Đông sớm kết thúc thông qua các dự luật về mặt ngân sách quốc phòng của Mỹ khi đảng Dân chủ lên nắm quyền Quốc hội. Chúng tôi cho rằng các diễn biến trên đang đem lại các tác động tích cực trong ngắn hạn đối với tỷ giá USD/VND nhờ mức chênh lệch lãi suất giữa USD và VND được giữ nguyên. Ngoài ra, giá dầu Brent giảm cũng giúp hạ nhiệt chi phí nhiên liệu trong nước – yếu tố tác động phần lớn vào mức tăng của CPI kể từ T3 2026.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng vẫn cần quan sát rủi ro về việc giá dầu Brent có thể tăng lại về mốc 120 USD/thùng nếu tình hình đàm phán giữa Mỹ-Iran không đạt được kết quả. Ngoài ra, việc đảng Dân chủ không thông qua được các đạo luật về ngân sách quốc phòng khi tổng thống Trump sử dụng quyền phủ quyết (Veto) có thể khiến quá trình thực hiện các điều khoản và luật lệ mà đảng Dân chủ đề xuất liên quan đến ngân sách kéo dài.

Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Nhóm giao thông đóng góp lớn nhất vào mức tăng của CPI tổng thể khi giá xăng dầu trong nước tăng mạnh.

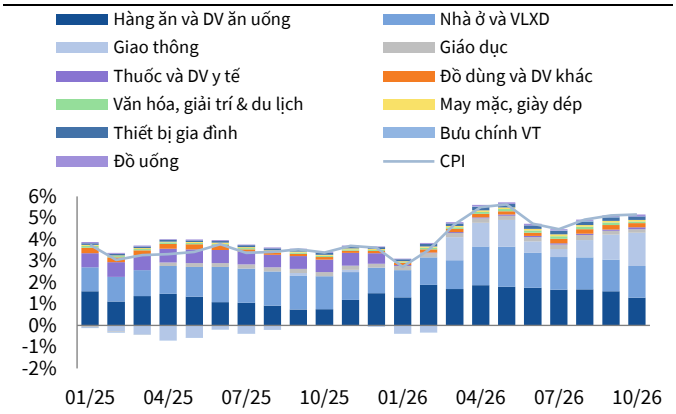
Chỉ số CPI T10 tăng 0.2% MoM và 5.1% YoY (T9: 5.1% YoY), bình quân 10T 2026, CPI tăng 4.6% YoY. Kể từ khi chiến tranh tại khu vực Trung Đông nổ ra, đóng góp vào mức tăng của CPI tổng thể từ nhóm Giao thông tăng mạnh từ mức 1 đpt trong T3 2026 lên mức 1.6 đpt trong tháng 10, vượt nhóm Nhà ở & VLXD (1.5 đpt) và Hàng ăn & dịch vụ ăn uống (1.3 đpt).

Trong tháng 10, giá xăng E10 RON95-III bình quân tăng 30.7% YoY và dầu DO 0,05S-II tăng 58.6% YoY trong bối cảnh giá dầu Brent bình quân T10 đạt 124.8 USD/thùng (+93.4% YoY). Mức tăng của CPI trong tháng 10 hạ nhiệt một phần nhờ nhóm Hàng ăn & dịch vụ ăn uống (mức tăng giảm về 3.6% YoY từ mức 4.4% YoY trong T9): (1) nhóm Thực phẩm tăng 2.9% YoY (T9: +3.9% YoY) nhờ nguồn cung thịt lợn trong nước tăng, (2) nhóm Lương thực chỉ tăng 0.2% YoY (T9: +0.8% YoY) nhờ nguồn cung gạo dồi dào khi Ấn Độ tăng cường xuất khẩu, kéo theo giá gạo thế giới ở mức thấp.

Tại thời điểm đầu tháng 11, giá dầu Brent giảm hơn 16% so với cuối T10 xuống mức dưới 100 USD/thùng khi (1) Đảng Dân chủ đạt được quyền kiểm soát lưỡng viện – yếu tố quan trọng trong việc kết thúc cuộc chiến giữa Mỹ-Iran thông qua các dự luật liên quan đến ngân sách quốc phòng; và (2) tiến trình đàm phán giữa Mỹ-Iran thông qua nước trung gian – Qatar đang cho thấy nhiều chuyển biến tích cực, làm tăng khả năng về việc eo biển Hormuz được mở lại vào đầu năm 2027. Mặc cho những chuyển biến tích cực đối với giá dầu trong thời gian gần đây, chúng tôi giữ nguyên dự báo CPI bình quân cả năm 2026 ở mức 4.5%-4.7% YoY, với rủi ro nghiêng về cận trên của dự báo nếu tiến trình đàm phán giữa Mỹ-Iran không tiến triển và giá dầu Brent duy trì trên 120 USD/thùng, kéo theo giá nhiên liệu trong nước tiếp tục neo cao, tác động đến CPI tổng thể.

Biểu đồ 15: CPI T10 tăng 5.1% YoY, nhóm giao thông đóng góp 1.6 đpt – lớn nhất trong các nhóm

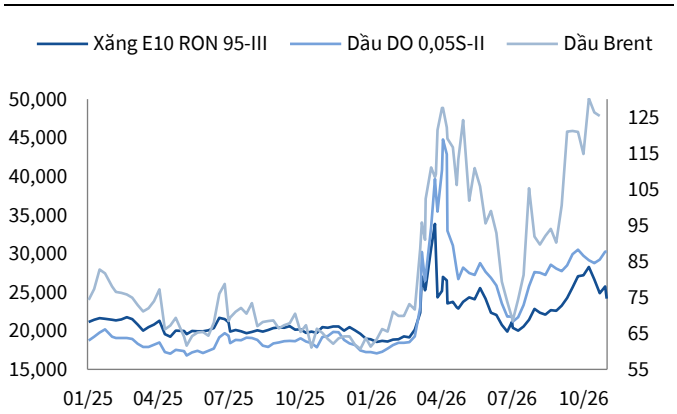
CPI tổng thể và đóng góp của các nhóm từ T1 2025 – Nay [% YoY]



Nguồn: GSO, TVS Research

Biểu đồ 16: Giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng mạnh theo giá dầu thế giới trong tháng 10

Giá xăng E10 RON 95-III & dầu DO 0,05S-II [VND/lít, trục trái] và giá dầu Brent [USD/thùng, trục phải] từ T1 2025 – Nay



Nguồn: PVOIL, EIA, TVS Research

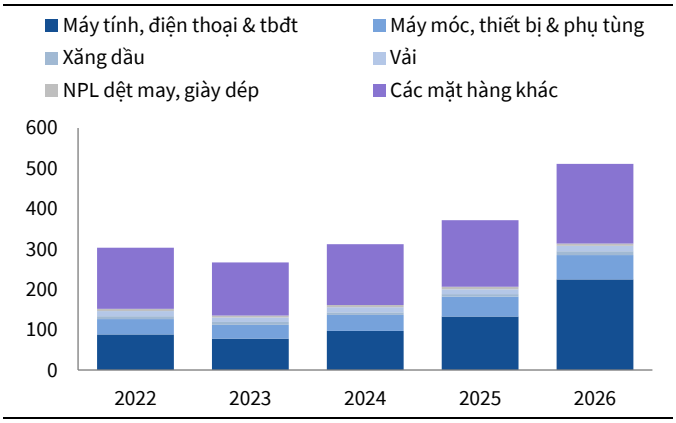
Xuất siêu T10 đạt 7.3 tỷ USD, gấp khoảng 3 lần mức của tháng 10 các năm 2022-2025, chủ yếu từ khối FDI và nhóm điện tử.

Kim ngạch xuất khẩu T10 2026 đạt 64.7 tỷ USD (+8.7% MoM, +51.4% YoY), nhập khẩu đạt 57.4 tỷ USD (-1.4% MoM, +43.1% YoY), đưa cán cân thương mại xuất siêu 7.3 tỷ USD – tháng xuất siêu thứ hai liên tiếp sau mức 1.3 tỷ USD của T9. Lũy kế 10T, mức thâm hụt cán cân thương mại thu hẹp về mức 12.1 tỷ USD sau hai tháng xuất siêu liên tiếp (cùng kỳ 2025 xuất siêu 19.5 tỷ USD). Diễn biến xuất khẩu trong T10 phù hợp với nhận định của chúng tôi trong các báo cáo tháng trước về dự báo cán cân thương mại sẽ thặng dư đáng kể trong Q4 2026.

Đóng góp phần lớn vào mức thặng dư trong tháng 10 đến từ nhóm FDI – xuất siêu 10.8 tỷ, cho thấy các đơn hàng điện tử của khu vực FDI thực sự đã tăng trở lại sau giai đoạn tích trữ linh kiện trong 7T đầu năm. TVS Research đánh giá xuất khẩu đang dần bắt kịp nhập khẩu khi các đơn hàng xuất khẩu được đẩy mạnh sau giai đoạn nhập siêu tăng mạnh trong H1 2026 (H1 nhập siêu 16.7 tỷ USD). Mức thâm hụt cán cân thương mại dự kiến sẽ tiếp tục thu hẹp trong hai tháng cuối năm, kéo theo mức thâm hụt cả năm về mức 4-5 tỷ USD (so với mức xuất siêu 20 tỷ USD của năm 2025).

Biểu đồ 17: Nhập khẩu máy tính, điện tử, điện thoại & linh kiện 10T tăng 69.4% YoY, chiếm 43.9% tổng kim ngạch

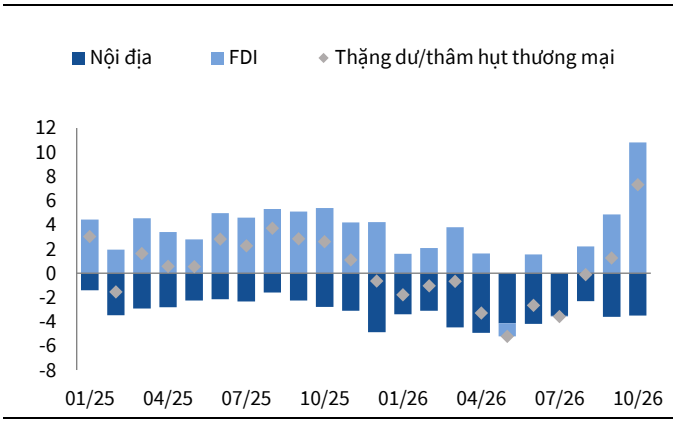
Kim ngạch nhập khẩu của các mặt hàng chủ lực trong 10 tháng đầu năm từ 2022-2026 [tỷ USD]



Nguồn: GSO, TVS Research

Biểu đồ 18: Khu vực FDI xuất siêu 10.8 tỷ USD trong T10, đưa cán cân thương mại thặng dư 7.3 tỷ USD

Mức thặng dư/thâm hụt của khu vực FDI và khu vực nội địa hàng tháng từ T1 2025 – Nay [tỷ USD]



Nguồn: GSO, TVS Research

Vốn FDI đăng ký T10 đạt 4.5 tỷ USD (+50.6% YoY), đưa 10T lên 54.9 tỷ USD (+74% YoY) – cao nhất từ 2009; vốn giải ngân 10T tăng 13.1% YoY.

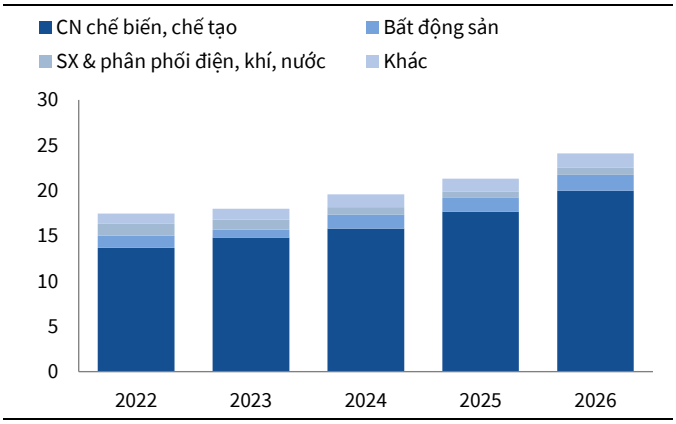
FDI đăng ký T10 đạt 4.5 tỷ USD (+50.6% YoY), về gần mức bình quân 5.1 tỷ USD/tháng của 8T đầu năm sau khi tăng lên 9.7 tỷ USD trong T9 nhờ dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ. FDI giải ngân T10 đạt 3 tỷ USD (+20.4% YoY), trong đó nhóm ngành chế biến, chế tạo chiếm khoảng 85%.

Lũy kế 10T, tổng vốn FDI đăng ký đạt 54.9 tỷ USD (+74% YoY), cao nhất từ 2009, gồm vốn cấp mới 30.7 tỷ USD – gấp 2.2 lần cùng kỳ với 3,478 dự án (+4.7% YoY). Theo đối tác, vốn cấp mới tập trung ở Singapore (9.5 tỷ USD, chiếm 31%), Hàn Quốc (5.8 tỷ USD, 18.9%), Luxembourg (5 tỷ USD, 16.2%), và Hồng Kông (3.6 tỷ USD, 11.6%). FDI giải ngân 10T đạt 24.1 tỷ USD (+13.1% YoY), cao nhất cùng kỳ 5 năm, trong đó chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm phần lớn với tỷ trọng 82.9% (20 tỷ USD). Chúng tôi cho

rằng dòng vốn FDI đăng ký và giải ngân sẽ tiếp tục tăng mạnh mẽ trong các tháng cuối năm – thường là các tháng cao điểm đăng ký và giải ngân FDI, kéo theo mức tăng trưởng dự báo của FDI đăng ký và giải ngân cả năm 2026 ở mức 70% YoY và 13% YoY.

Biểu đồ 19: FDI giải ngân 10T đạt 24.1 tỷ USD, cao nhất cùng kỳ 5 năm với nhóm Chế biến, chế tạo chiếm 82.9%

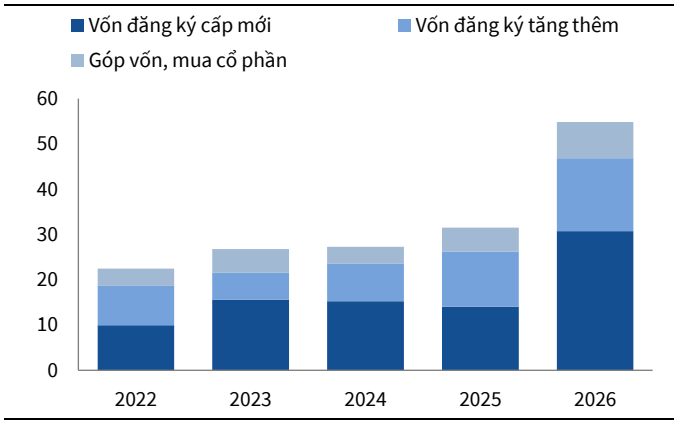
FDI giải ngân theo ngành trong 10 tháng đầu năm từ 2022-2026 [tỷ USD]



Nguồn: GSO, TVS Research

Biểu đồ 20: Vốn đăng ký cấp mới gấp 2.2 lần cùng kỳ, đóng góp phần lớn vào mức tăng 74% YoY của FDI đăng ký 10T

Vốn FDI đăng ký theo loại hình 10 tháng đầu năm từ 2022-2026 [tỷ USD]



Nguồn: GSO, TVS Research

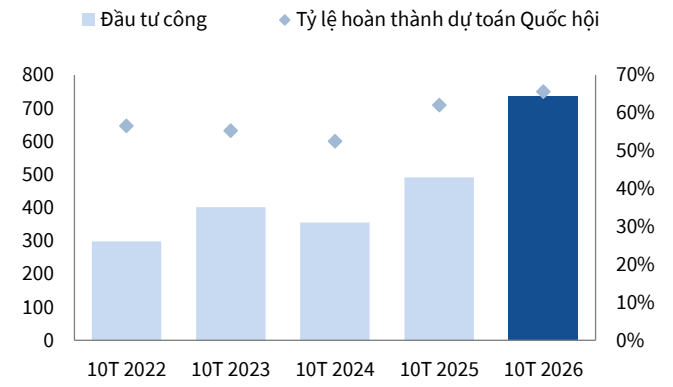
Giải ngân đầu tư công 10T tăng 49.7% YoY, đạt 65.6% dự toán – cao nhất cùng kỳ 5 năm.

Giải ngân đầu tư công 10T 2026 đạt 735 nghìn tỷ VND, bằng 65.6% dự toán năm (1,120 nghìn tỷ VND) và tăng 49.7% YoY. Tỷ lệ hoàn thành cao hơn 3.5 đpt so với cùng kỳ 2025 (62.1%) và cao nhất trong vòng 5 năm. Tiến độ giải ngân tăng rõ rệt từ giữa năm 2026 khi bình quân T7-T10 đạt 94.5 nghìn tỷ VND/tháng so với 59.5 nghìn tỷ VND/tháng của H1 (2025: 55.8 và 44.7 nghìn tỷ VND/tháng), phù hợp với quan điểm của chúng tôi rằng các dự án đã xong GPMB trong nửa đầu năm đang chuyển sang giai đoạn thi công và thanh toán. Chi phí VLXD hạ nhiệt trong các tháng gần đây khi nguồn cung được cải thiện (biểu đồ 10).

Trong 5 năm từ 2021-2025, tổng mức giải ngân đầu tư công trong 2 tháng cuối năm chiếm 30.7%-32.9% giá trị giải ngân cả năm (bình quân đạt 32%). Trong bối cảnh đó, T11-T12 2026 dự kiến giải ngân 325-361 nghìn tỷ VND, cao hơn 35%-50% so với cùng kỳ 2025. Khi đó, Q4 2026 dự kiến đạt khoảng 403-438 nghìn tỷ VND và cả năm đạt 1,060-1,096 nghìn tỷ VND, tương đương 95%-98% dự toán. Ngoài ra, Nghị quyết 312/NQ-CP ngày 05/10 tiếp tục yêu cầu tập trung đẩy mạnh giải ngân và kết quả giải ngân được gắn với trách nhiệm người đứng đầu, cho thấy ý chí hoàn thành mục tiêu đề ra của Chính phủ. TVS Research đánh giá đầu tư công sẽ được đẩy mạnh trong các tháng cuối năm và giữ dự báo giải ngân đạt 90%-95% dự toán, nghiêng về cận trên của dự báo.

Biểu đồ 21: Giải ngân đầu tư công 10T đạt 65.6% dự toán Quốc hội, cao nhất cùng kỳ 5 năm

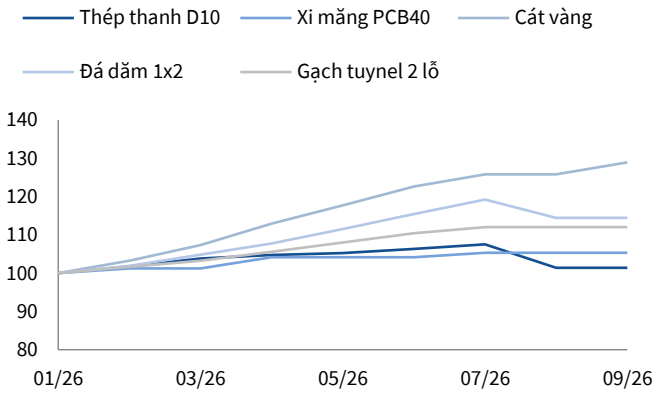
Giải ngân đầu tư công 10 tháng đầu năm từ 2022-Nay [nghìn tỷ VND] và tỷ lệ hoàn thành dự toán Quốc hội giao [%]



Nguồn: GSO, TVS Research

Biểu đồ 22: Giá VLXD đang đi ngang và hạ nhiệt trong các tháng gần đây

Chỉ số giá nguyên vật liệu xây dựng, T1 2026 = 100, số liệu gần nhất đến T9 2026 [điểm]



Nguồn: Sở Xây dựng TP.HCM, Wifeed, TVS Research

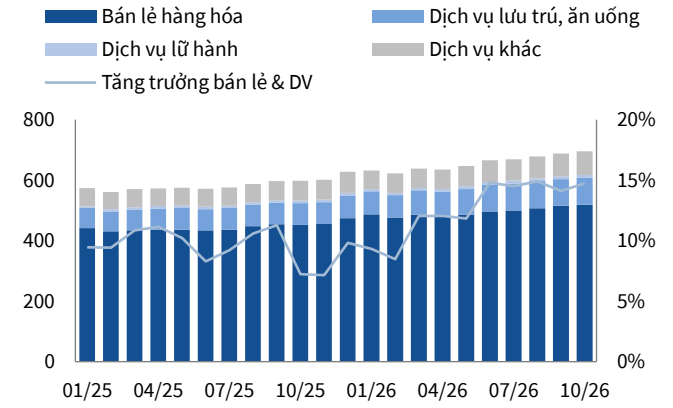
Tổng mức bán lẻ 10T tăng 13.5% YoY; loại trừ yếu tố giá tăng 7.7% YoY, khoảng cách giữa hai mức tăng lớn nhất 5 năm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa & doanh thu dịch vụ tiêu dùng T10 đạt 695.5 nghìn tỷ VND (+1% MoM, +14.7% YoY). Lũy kế 10T đạt 6,618.9 nghìn tỷ VND (+13.5% YoY); loại trừ yếu tố giá tăng 7.7% YoY (cùng kỳ 2025: +7.4% YoY). Khoảng cách giữa tăng trưởng danh nghĩa và tăng trưởng thực 10T nới rộng lên mức 5.8 đpt, lớn nhất trong 5 năm và tiếp tục nới rộng so với 5.6 đpt sau 9T.

TVS Research duy trì quan điểm thận trọng về sức cầu nội địa như trong báo cáo tháng trước khi tăng trưởng thực 7.7% YoY chỉ nhích nhẹ so với 7.4% YoY cùng kỳ, trong khi CPI 5.1% YoY tiếp tục làm giảm thu nhập thực của hộ gia đình. Chúng tôi cho rằng mùa mua sắm cùng với các dịp lễ cuối năm sẽ hỗ trợ doanh thu danh nghĩa, nhưng sức mua của người tiêu dùng vẫn chưa cho thấy dấu hiệu cải thiện đáng kể.

Biểu đồ 23: Tổng mức bán lẻ hàng hóa & dịch vụ T10 tăng 14.7% YoY

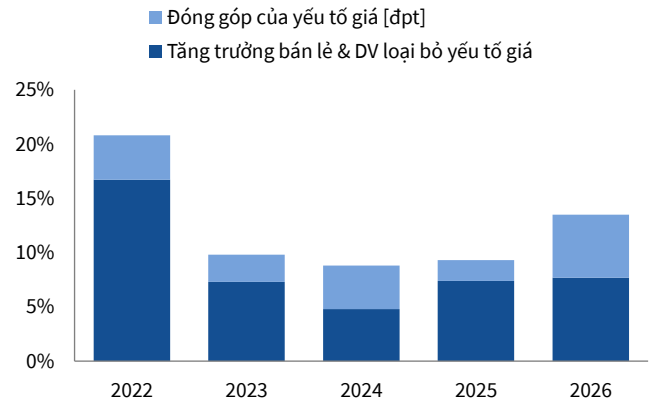
Doanh thu nhóm bán lẻ và DV [nghìn tỷ VND] và tăng trưởng [% YoY] hàng tháng từ T1 2025-Nay



Nguồn: GSO, TVS Research

Biểu đồ 24: Yếu tố giá đóng góp 5.8 đpt vào tăng trưởng bán lẻ 10T, cao nhất trong vòng 5 năm

Tăng trưởng bán lẻ & dịch vụ bao gồm yếu tố giá và loại bỏ yếu tố giá trong 10 tháng đầu năm từ 2022-Nay [% YoY]



Nguồn: GSO, TVS Research

Thị trường tiền tệ

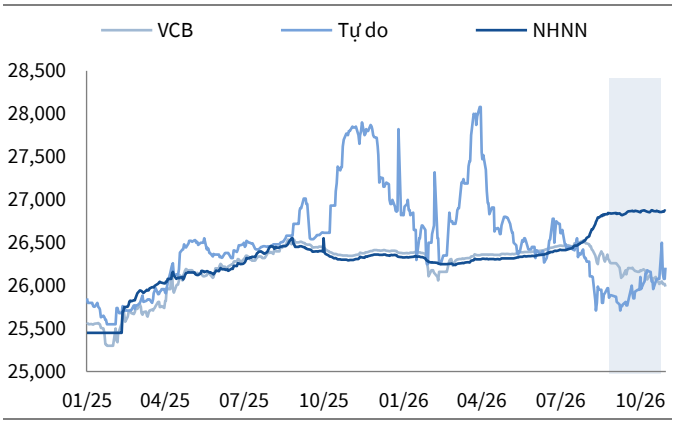
Tỷ giá bán của NHNN tiếp tục đi ngang trong T10; bình quân 10T tăng 1.4% YoY, nghiêng về cận dưới vùng dự báo cả năm.

Tỷ giá bán USD/VND của NHNN trong T10 dao động trong biên độ hẹp 26,852-26,878 VND/USD và đóng tháng ở 26,868 VND/USD, gần như không đổi so với cuối T9 (26,858 VND/USD) và tăng 2.1% YTD. Tỷ giá trong nước ổn định dù USD tăng giá trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY bình quân T10 đạt 101.9 điểm, tăng 2.4 điểm so với T9, khi thị trường kỳ vọng Fed duy trì chính sách thắt chặt với một lần tăng 25đpt nữa trong kỳ họp T12 sắp tới. Nguồn cung ngoại tệ trong tháng 10 được hỗ trợ bởi (1) kim ngạch thương mại xuất siêu 7.3 tỷ USD, mức cao nhất kể từ đầu năm, và (2) FDI giải ngân 3 tỷ USD (+20.4% YoY).

Bình quân 10T 2026, tỷ giá bán của NHNN tăng 1.4% YoY. Dự báo tăng 1.5%-2% của chúng tôi đo theo bình quân năm: nếu tỷ giá đi ngang ở mức hiện tại trong T11-T12, cả năm tăng khoảng 1.5% YoY. Để đạt mức mất giá bình quân 2% YoY, tỷ giá USD/VND trong hai tháng cuối năm phải tăng mạnh lên mức 27,650 VND/USD, cao hơn khoảng 2.9% so với cuối T10. Rủi ro tăng đến từ khả năng Fed tăng lãi suất trong T12 và giá dầu cao làm tăng nhu cầu USD đối với kim ngạch nhập khẩu nhiên liệu.

Biểu đồ 25: Tỷ giá bán của NHNN đi ngang quanh 26,860 VND/USD trong T10, tỷ giá tự do có phiên lên 26,500 VND/USD

Tỷ giá bán USD/VND tại VCB, TT tự do, và NHNN từ T1 2025-Nay [VND]



Nguồn: FiinPro-X, TVS Research

Biểu đồ 26: DXY tăng 0.4% MoM trong T10, đạt mức cao nhất 18 tháng khi lạm phát Mỹ tăng

Chỉ số DXY từ T1 2025 – Nay [điểm]



Nguồn: Investing.com, TVS Research

Lãi suất LNH qua đêm bình quân tăng nhẹ lên 3.6%/năm, kỳ hạn 3 tháng lên 7.1%/năm; NHNN hút ròng 27.3 nghìn tỷ VND.

Lãi suất LNH qua đêm biến động mạnh trong T10 khi giảm từ mức 4.3% ngày 01/10 xuống 0.7% ngày 07/10 – thấp nhất tháng – khi thanh khoản dư thừa sau kỳ cuối quý 3. Bình quân T10, lãi suất LNH ở các kỳ hạn tăng nhẹ với kỳ hạn qua đêm đạt 3.6%/năm (T9: 3.4%), trong khi kỳ hạn 3 tháng tăng lên 7.1% (T9: 6.9%).

NHNN tiếp tục hút ròng 27.3 nghìn tỷ VND qua thị trường mở trong T10. Khoản hút ròng tập trung ở tuần đầu tháng (02-07/10: 55.7 nghìn tỷ VND), khi các ngân hàng trả bớt vốn vay sau kỳ cuối quý; từ 27/10, NHNN bơm ròng trở lại 33.2 nghìn tỷ VND

trong 4 phiên khi lãi suất qua đêm tăng, đưa dư nợ cầm cố từ mức thấp 90 nghìn tỷ VND (26/10) lên 123.2 nghìn tỷ VND cuối tháng (30/09: 150.5 nghìn tỷ VND).

Đầu T11, NHNN thông báo về nghiệp vụ swap - hoán đổi USD/VND ngày 06/11 với kỳ hạn 182 ngày, dài hơn đáng kể so với 7-21 ngày tại các phiên trước trong năm, quy mô tối đa 2 tỷ USD, tương đương khoảng 48.8 nghìn tỷ VND (tỷ giá giao ngay 24,399 VND/USD) với lãi suất tương đương 2.5%/năm. Đối tượng tham gia giới hạn ở các TCTD có dư nợ vay nước ngoài trung, dài hạn hoặc trái phiếu quốc tế còn kỳ hạn từ 12 tháng trở lên, với khối lượng đăng ký không vượt quá mức thấp hơn giữa 80% quy mô phiên và dư nợ ngoại tệ đủ điều kiện. Chúng tôi đánh giá tác động lên thanh khoản toàn thị trường ở mức vừa phải khi quy mô tối đa chỉ bằng khoảng 40% dư nợ cầm cố cuối T10 và 0.3% tổng huy động, trong khi chỉ các ngân hàng đủ điều kiện được tham gia. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý trong chính sách của NHNN trong lần này đến từ kỳ hạn dài hơn – cho thấy NHNN sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản trong trung hạn đối với thị trường.

Bên cạnh đó, NHNN cũng đưa ra thông báo về việc thực hiện nghiệp vụ mua ngoại tệ giao ngay (spot) hai phiên mỗi tuần kể từ ngày 11/11 với mức giá cố định 25,500 VND/USD. Chúng tôi cho rằng thông báo trên của NHNN đang phát ra tín hiệu về (1) tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục được điều hành theo hướng tăng/giảm có kiểm soát trong thời gian tới và (2) định hướng hỗ trợ thanh khoản "thực" đối với hệ thống, thay vì các nghiệp vụ swap forward như trước đây. Tuy nhiên giá trị mua vào cũng như khối lượng mua vào vẫn chưa được xác định vì vẫn còn phụ thuộc vào vị thế ngoại tệ của toàn hệ thống ngân hàng thương mại– ước tính đang ở mức thấp. Chúng tôi sẽ cập nhật về tác động cũng như đưa ra quan điểm về nghiệp vụ trên khi có thêm thông báo chính thức từ phía NHNN.

Lãi suất niêm yết giảm theo chỉ đạo của NHNN, nhưng mặt bằng lãi suất thực tế khó giảm tương ứng khi nhu cầu vốn cuối năm còn lớn.

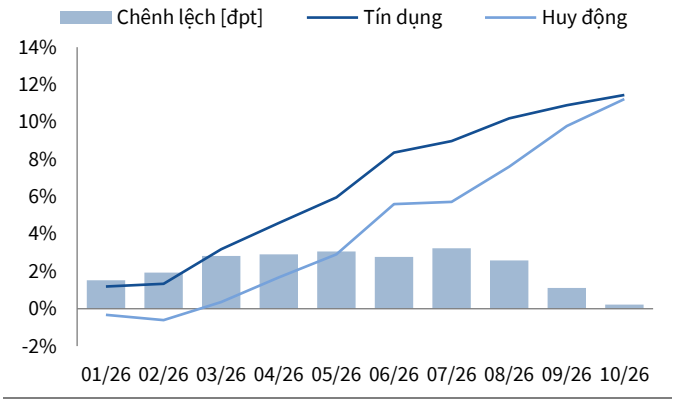
Trên thị trường 1, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng giảm trong nửa cuối T10: nhóm NHTM nhà nước giảm 50 đcb xuống 5.4%/năm từ ngày 21/10, nhóm NHTM lớn (MBB, ACB, TCB, VPB) giảm 50 đcb xuống 5.64%/năm và nhóm NHTM khác giảm khoảng 53 đcb xuống 5.5%/năm vào cuối tháng so với cuối T9. Ngày 16/10, Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng yêu cầu giảm lãi suất cho vay 150-200 đcb đối với sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Ngày 21/10, NHNN yêu cầu (Công văn 9736/NHNN-CSTT) các NHTM giảm tối thiểu 50 đcb lãi suất huy động bình quân của giao dịch mới từ kỳ hạn 6 tháng so với kỳ 11-20/10.

Về cân đối vốn, chênh lệch tăng trưởng tín dụng và huy động đã thu hẹp từ 2.6 đpt cuối T8 xuống 1.1 đpt ngày 28/09 (cùng thời điểm 2025: 3.4 đpt) và 0.2 đpt ngày 14/10 (tín dụng +11.44% YTD, huy động +11.22% YTD). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng điều này chưa đủ để mặt bằng lãi suất giảm thực chất vì (1) huy động tăng nhanh khi lãi suất huy động mới bình quân đã tăng 121 đcb so với cuối 2025, lên 6.44%/năm tại 10/10, nên việc giảm lãi suất có thể làm chậm nguồn vốn này; (2) dư nợ tín dụng tính đến thời điểm cuối tháng 10 ước tính cao hơn số dư huy động khoảng 2.4 triệu tỷ VND, lớn hơn mức 2.1 triệu tỷ VND cuối 2025; và (3) tín dụng đã tăng lên 11.94% YTD ngày 26/10 và cần thêm khoảng 570 nghìn tỷ VND trong hai

tháng để đạt mức khoảng 15% NHNN dự kiến (dự báo của chúng tôi ở mức 16%-17%). Do đó, chúng tôi cho rằng lãi suất niêm yết có thể tiếp tục giảm theo chỉ đạo của NHNN, nhưng mặt bằng lãi suất thực tế khó giảm tương ứng đến cuối năm.

Biểu đồ 27: Chênh lệch tăng trưởng tín dụng và huy động thu hẹp về 0.2 đpt giữa T10 khi huy động tăng nhanh hơn

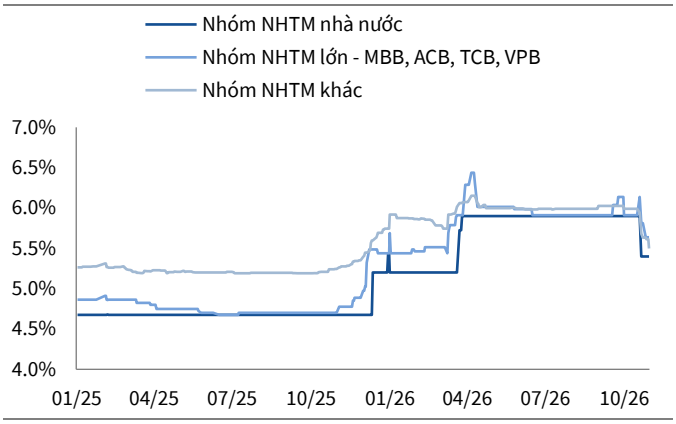
Tăng trưởng tín dụng và huy động vốn từ T1 2026 đến 14/10/2026 [% YTD; đpt]



Nguồn: Wifeed, GSO, NHNN, TVS Research

Biểu đồ 28: Lãi suất huy động 12 tháng theo nhóm NHTM

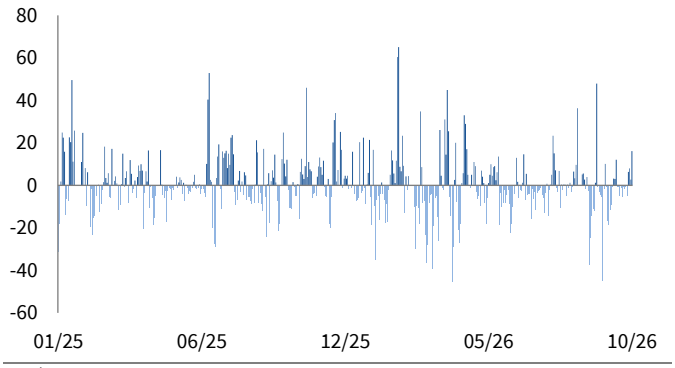
Lãi suất tiền gửi bình quân kỳ hạn 12 tháng của nhóm các NHTM từ T1 2025 – Nay [%/năm]



Nguồn: Wifeed, TVS Research

Biểu đồ 29: NHNN hút ròng 27.3 nghìn tỷ VND trong T10, bơm ròng trở lại từ 27/10

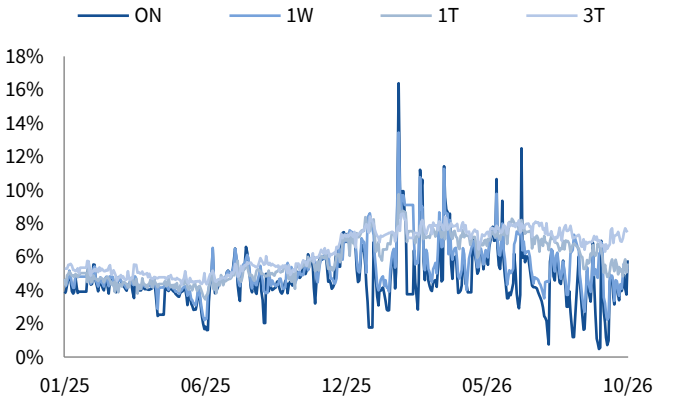
Khối lượng bơm (hút) tiền ròng hàng ngày từ T1 2025-Nay [nghìn tỷ VND]



Nguồn: FiinPro-X, TVS Research

Biểu đồ 30: Lãi suất LNH kỳ hạn 3 tháng tăng lên mức 7.1%/năm trong khi các kỳ hạn dưới 1 tháng hạ nhiệt

Lãi suất LNH kỳ hạn từ T1 2025-Nay [%/năm]



Nguồn: FiinPro-X, TVS Research

Bảng 1: Tổng hợp các chỉ số vĩ mô quan trọng của Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng GDP thực	% YoY	2.6%	8.0%	5.0%	7.0%	8.0%	9.2%
Lạm phát tổng thể	% YoY	1.8%	3.2%	3.3%	3.6%	3.3%	4.5%-4.7%
Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa & dịch vụ	% YoY	-7.8%	22.8%	9.3%	9.3%	9.3%	13.5%
Tăng trưởng xuất khẩu	% YoY	19.0%	10.4%	-4.5%	14.3%	17%	25%
Tăng trưởng nhập khẩu	% YoY	26.5%	8.0%	-8.7%	16.7%	19.4%	37%
Tăng trưởng giải ngân đầu tư công	% YoY	-7.9%	19.8%	21.2%	3.3%	40.7%	40%
Tăng trưởng FDI thực hiện	% YoY	-1.2%	13.5%	3.5%	9.4%	8.9%	11%
Tăng trưởng tín dụng	% YoY	12.2%	13.6%	14.2%	15.1%	19%-20%	16%-17%
Lãi suất điều hành [OMO]	%	4.0%	6.0%	4.5%	4.5%	4.5%	4.5%
Lãi suất huy động [12 tháng]	%	5.6%	5.9%	6.4%	4.7%	4.7%	5.9%
Tăng trương tỷ giá USD/VND [bình quân]	% YoY	-0.1%	-0.6%	5.7%	1.6%	3.3%	1.5%-2.0%
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	107.4	84.7	90.4	81.2	83.6	85.0

Nguồn: IMF, FiinPro-X, Bloomberg, TVS Research

Ghi chú: Lãi suất huy động tính theo lãi suất trung bình của nhóm SOCBs: Agribank, BID, CTG, VCB; Tỷ giá bán USD/VND bình quân theo NHNN công bố

Thông tin kinh tế đáng chú ý trong tháng 11

Ngày	Sự kiện	Mức độ ảnh hưởng
02/11/2026	Việt Nam, Mỹ - Công bố chỉ số PMI T10	Trung bình
03/11/2026	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế - xã hội T10 và 10T 2026	Cao
10/11/2026	Mỹ - Công bố số liệu CPI T10	Cao
12/11/2026	MSCI - Công bố kết quả kỳ cơ cấu danh mục định kỳ	Trung bình
13/11/2026	Mỹ - Công bố chỉ số PPI T10	Trung bình
19/11/2026	Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30F T11	Cao
25/11/2026	Mỹ - Công bố chỉ số PCE	Cao

Danh mục báo cáo đã phát hành

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo KQKD	Báo cáo cập nhật KQKD Q3 2026: Lợi nhuận toàn thị trường tiếp tục được thúc đẩy bởi nhóm Vingroup	Toàn thị trường	06/11/2026
Báo cáo chiến lược	Báo cáo chiến lược Thị trường Q4 2026	Thị trường	02/11/2026
Báo cáo chiến lược	BCCL Đầu tư Q4 2026 - Chọn lọc cơ hội trong sự phân hóa	Đầu tư	02/11/2026
Báo cáo chiến lược	Báo cáo chiến lược Vĩ mô Q4 2026	Vĩ mô	29/10/2026
Báo cáo công ty	PNJ - Cập nhật ĐHCĐ bất thường 2026: Tập trung tối ưu dòng tiền để vượt qua khó khăn	PNJ	22/10/2026
Báo cáo công ty	CTD - Cập nhật ĐHCĐ 2026: Backlog kỷ lục tạo dư địa tăng trưởng	CTD	21/10/2026
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật vĩ mô T9 2026	Vĩ mô	08/10/2026
Báo cáo thị trường	Báo cáo cập nhật thị trường T9 2026	Thị trường	08/10/2026
Báo cáo ngành	Cập nhật ngành BĐS KCN: Nhu cầu thuê phục hồi, định giá về vùng thấp và lợi nhuận cải thiện từ 2027	BĐS Khu công nghiệp	07/10/2026
Báo cáo ngành	Cập nhật ngành Ngân hàng: Tăng trưởng tín dụng cao đi cùng áp lực chi phí vốn	Ngân hàng	02/10/2026
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật vĩ mô T8 2026	Vĩ mô	10/09/2026
Báo cáo thị trường	Báo cáo cập nhật thị trường T8 2026	Thị trường	10/09/2026
Báo cáo KQKD	Kết quả kinh doanh Q2 2026: Tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường tăng tốc lên gần 50% YoY	Toàn thị trường	07/08/2026

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	**Định nghĩa**
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec

4A Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội

Phone: +84 (24) 7300 6588

Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long

63 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Hồ Chí Minh

Phone: +84 (28) 7300 6588

Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

PHÒNG PHÂN TÍCH NGHIÊN CỨU

Email: research@tvs.vn